

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/DS-ST

Ngày: 08 - 10 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Lê Văn Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **M**, sinh năm 1962. HKTT: khóm X, phường V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên lạc: khóm T, thị trấn Q, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **C**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2.2. Bà **U**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà M trình bày:

Vào ngày 07/12/2017 (nhằm ngày 20/10/2017 âm lịch) vợ chồng ông C và bà U có đến nhà bà vay tiền để mua phân bón trồng cam với số tiền là 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng; ngày 14/02/2018 (nhằm ngày 29/12/2017 âm lịch) ông C bà U vay thêm 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Khi vay ông C bà U hứa đến lúc bán

cam sẽ trả vốn lãi; nhưng sau khi bán cam ông C bà U không trả vốn và cũng không trả lãi cho bà. Bà có đến nhà ông C bà U đòi nhiều lần, ông bà hứa đến Tết nguyên đán năm 2020 sẽ trả hết vốn lãi nhưng đến nay cũng không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C và bà U có trách nhiệm trả các khoản tiền như sau:

+ Tiền vốn: 50.000.000 đồng; Tiền lãi: từ ngày 07/12/2017 đến 01/6/2020 là 29 tháng 24 ngày x 1,66%/tháng x 50.000.000 đồng = 24.734.000 đồng.

+ Tiền vốn: 30.000.000 đồng; Tiền lãi: từ ngày 14/02/2018 đến 01/6/2020 là 27 tháng 17 ngày x 1,66%/tháng x 30.000.000 đồng = 13.728.200 đồng.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông C và bà U nhưng ông C, bà U không tham gia tố tụng và cũng không cung cấp ý kiến cho Tòa án về việc bà M khởi kiện.

- *Tại phiên tòa:* Bà M xác định cả hai biên nhận bà cung cấp cho Tòa là do ông C viết và ký tên. Ông C vay tiền để mua phân bón, thuốc trừ sâu trồng cam. Từ lúc vay đến nay, ông C không trả lãi và cũng không trả vốn.

Bà yêu cầu vợ chồng ông C và bà U có trách nhiệm trả:

+ Tiền vốn: 50.000.000 đồng; Tiền lãi: từ ngày 07/12/2017 đến 08/10/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 34 tháng (tính tròn) x 1,66%/tháng x 50.000.000 đồng = 28.220.000 đồng.

+ Tiền vốn: 30.000.000 đồng; Tiền lãi: từ ngày 14/02/2018 đến 08/10/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 31 tháng 24 ngày x 1,66%/tháng x 30.000.000 đồng = 15.836.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C và bà U trả số tiền vay nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông C và bà U tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Ông C và bà U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng

xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu ông C và bà U có trách nhiệm trả số tiền vay vốn 80.000.000 đồng.

Việc vay tiền giữa ông C và bà M là có thật căn cứ vào tờ vay nợ ngày 20/10/2017 và 14/02/2018 (nhằm ngày 29/12 âm) do phía nguyên đơn giao nộp. Theo nội dung của hai biên nhận ông C mượn bà M số tiền tổng cộng bằng 80.000.000 đồng và cam kết trả lãi đầy đủ; biên nhận do ông C viết và ký tên.

Ông C vay tiền để mua phân bón, thuốc trừ sâu trồng cam với mục đích thu lợi nhuận phục vụ nhu cầu chi tiêu sinh hoạt trong gia đình; vì vậy cần buộc bà U là vợ ông C cùng ông C có trách nhiệm trả tiền vay cho bà M là phù hợp.

Do ông C và bà U không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà M theo đúng thỏa thuận vì vậy ông C và bà U đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của bà M là có căn cứ phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận, buộc ông C và bà U phải trả bà M số tiền vay vốn là 80.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi của bà M:

Tiền lãi trên số tiền vốn 50.000.000 đồng: từ ngày 07/12/2017 đến 08/10/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 34 tháng x 1,66%/tháng x 50.000.000 đồng = 28.220.000 đồng.

Tiền lãi trên số tiền vốn 30.000.000 đồng: từ ngày 14/02/2018 đến 08/10/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 31 tháng 24 ngày x 1,66%/tháng x 30.000.000 đồng = 15.836.000 đồng.

Là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông C và bà U phải chịu 6.202.800 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M.

2. Buộc ông C và bà U có trách nhiệm trả bà M số tiền vay vốn là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và lãi 44.056.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông C và bà U phải nộp 6.202.800 đồng (*Sáu triệu hai trăm lẻ hai nghìn tám trăm đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả bà M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.962.000 đồng (*Hai triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011520 ngày 30/6/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

